TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HS - ST
Ngày 11 tháng 01 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Hải Hưng

+ Ông Trịnh Hữu Hiệp

-*Thư ký phiên tòa*: ông Võ Đà Lạl - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa:* ông Trần Văn Hên - kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2017/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2017/QĐXXST-HS, ngày 28 tháng 12 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: Võ Minh Nh, sinh năm 1977; nơi cư trú: khóm 6A, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp ngư phủ; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Võ Văn Ấm và bà Nguyễn Thị Định; có vợ và 02 con; tiền án không, tiền sự không; bị bắt truy nã và tạm giữ từ ngày 25/8/2017 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* luật sư Trần Hoàng Ph thuộc Văn phòng luật sư Trần Hoàng Ph bào chữa cho bị cáo (có mặt).

- Bị hại:

+ Chị Trương Thị T, sinh năm 1989

Nơi cư trú: khóm 6A, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: ấp 9, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (có mặt).

+ Bà Lê Thị Ph sinh năm 1961

Nơi cư trú: ấp 9, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Lâm Ngọc Á

Nơi cư trú: ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn V

Nơi cư trú: khóm 3, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cáo trạng số: 37/KSĐT-TA ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh truy tố bị cáo Võ Minh Nh về tội "cố ý gây thương tích" theo khoản 2 điều 104 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo như sau:

Võ Minh Nh và chị Trương Thị T có mối quan hệ là vợ chồng do mâu thuẫn nên đã ly thân, chị T đi lên thành phố Hồ Chí Minh để làm thuê.

Vào khoảng 14 giờ, ngày 06/7/2016, Nhựt nghe tin chị T về nhà cha mẹ ruột tại ấp 9, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau nên điều khiển xe mô tô hiệu BOSS, biển số 69F6 – 0163 từ nhà đến nhà cha mẹ vợ để tìm chị T. Tại đây, Nhựt khuyên chị T về ở với Nh cùng hai con nhỏ nhưng chị T không đồng ý và đòi ly hôn. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, chị T đi ra nhà sau thì Nhựt đi theo và tiếp tục khuyên chị T, nhà sau có mở một bóng đèn tự chế. Lúc này có mẹ ruột của chị T là bà Lê Thị Ph và chị T, Nhựt đứng gần giàn chén đối diện với chị T. Trong lúc nói chuyện với Nhựt, chị T lấy điện thoại từ trong túi quần ra và giả vờ gọi điện cho ai đó đến rước mình. Nhựt nghĩ chị T điện thoại cho bạn trai đến rước nên lấy cây dao sắt tại kệ chén gần nơi Nhựt đứng chém từ trên xuống hướng vào mặt chị T, mục đích cho chị T xấu đi để không ai theo. Khi Nhựt lấy dao thì chị T quay người lại định bỏ chạy, Nhựt không chém trúng vào mặt chị T mà chém trúng vào đầu chị T một cái, chị T khụy xuống và ngồi xổm di chuyển về phía màn cửa. Khi Nhựt chém chị T thì bà Ph thấy chị T lấy tay che vết thương trên đầu bị chảy máu rồi la lên "chết tôi rồi, nó chém". Lúc này, bà Ph chạy tới dùng tay nắm áo Nhựt từ phía sau lưng để kéo về phía sau thì bị vuột ra do Nhựt đang bườn tới để chém chị T ở phía trước. Bà Ph tiếp tục nắm lấy áo Nhựt, thì Nhựt dùng dao chém nhiều cái về phía sau trúng vào cẳng tay trái và cẳng tay phải của bà Ph gây thương tích. Do bị chém nên bà Ph ngừng nắm áo Nhựt. Nhựt tiếp tục đến chỗ chị T dùng dao chém nhiều cái làm trúng vào vùng đầu, vùng má phải, môi trái, vai trái và cánh tay trái của chị T gây thương tích. Nghe tiếng truy hô, cha chị T là ông Trương Văn B và em chị T là anh Trương Văn H đang xem Tivi ở nhà trước mới chạy vô nhà sau bật đèn và xông vào ôm Nh giật lấy cây dao. Sau đó, ông B kè

Nhựt ra lộ thì Nh bỏ chạy, còn anh H thì đưa chị T và bà Ph đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cà Mau cấp cứu và điều trị.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 282/TgT, ngày 08 tháng 9 năm 2016 và Bản kết luận giám định pháp y bổ sung về thương tích số 104/TgT, ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Cà Mau xác định, thương tích của Trương Thị T gồm: 01 sẹo vùng thái dương đỉnh trái, kích thước 7cm x 0.3cm, tỷ lệ 3%; 01 sẹo má phải, kích thước 3cm x 0.1cm, tỷ lệ 2%; 01 sẹo môi trên phải, kích thước 1cm x 0.1cm, tỷ lệ 1%; 01 sẹo bờ ngoài vai trái, kích thước 10cm x 1cm, tỷ lệ 3%; 01 sẹo từ 1/3 dưới mặt trước cánh tay trái đến khuỷu tay trái, kích thước 12cm x 0.5cm, tỷ lệ 4%; nứt sọ đỉnh trái, tỷ lệ 8%; 01 vết sẹo vùng chẩm, kích thước: 5cm x 0.3cm, tỷ lệ 2%; 01 vết sẹo 1/3 trên mặt trong cánh tay trái, kích thước 3cm x 0.2cm, tỷ lệ 1%. Tổng tỷ lệ thương tích là 22% .

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 281/TgT, ngày 07 tháng 9 năm 2016 của Trung tâm Pháp y tỉnh Cà Mau và Bản kết luận giám định pháp y bổ sung về thương tích số 291/TgT.17, ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Trung tâm Pháp y thành phố Hồ Chí Minh xác định, thương tích của Lê Thị Phượng gồm: 01 sẹo 1/3 dưới mặt trước cẳng tay trái, kích thước 13 cm x 0.2 cm, tỷ lệ 19%; 01 vết thương phần mềm tạo sẹo tại mặt trước 1/3 dưới cẳng tay phải, kích thước 2,6 cm x 0.15 cm, tỷ lệ 2%. Tổng tỷ lệ thương tích là 21%.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Võ Minh Nh, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 03 năm tù về tội cố ý gây thương tích. Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với bị hại, buộc bị cáo Nh bồi thường cho chị T số tiền 8.860.000 đồng, bồi thường cho bà Ph số tiền 14.169.140 đồng, bị cáo đã nộp khắc phục cho chị T và bà Ph mỗi người 2.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền còn lại. Về vật chứng: áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây dao sắt mũi bằng dài 34cm, cán dài 10cm, lưỡi dao dài 24cm, chiều ngang lưỡi dao (nơi rộng nhất) là 07cm, ở cổ dao có in dòng chữ HV-DŨNG-A1; áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 trả lại cho bị cáo 01 (một) xe mô tô hiệu Boss, biển số 69F6-0163.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Minh Nh phát biểu quan điểm: thống nhất với tội danh Viện kiểm sát truy tố bị cáo; bị cáo có hành vi dùng dao gây thương tích cho chị T và bà Ph là có thật nhưng việc gây thương tích với tinh thần bị kích động mạnh và do một phần lỗi của bị hại; bị cáo có nhân thân tốt; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo khắc phục một phần hậu quả; có bà cô, bà ngoại là người có công với cách mạng, có cậu là liệt sỹ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có địa chỉ cư trú rõ ràng nên mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là quá nghiêm khắc, không thuyết phục. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60

Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù cho hưởng án treo.

Bị hại: chị Trương Thị T yêu cầu bị cáo Võ Minh Nh bồi thường chi phí điều trị thương tích với số tiền là 8.860.000 đồng. Bà Lê Thị Ph yêu cầu bị cáo Võ Minh Nh bồi thường chi phí điều trị với số tiền là 14.169.140 đồng. Chị Trương Thị T, bà Lê Thị Ph yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đúng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Võ Minh Nh đồng ý bồi thường cho chị T số tiền là 8.860.000 đồng; đồng ý bồi thường cho bà Ph số tiền là 14.169.140 đồng.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện U Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Võ Minh Nh thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng không oan cho bị cáo và thừa nhận lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là do bị cáo tự khai báo, không bị ép buộc hay bị một tác động nào khác. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, từ đó có cơ sở khẳng định như sau: Võ Minh Nh và chị Trương Thị T có mối quan hệ là vợ chồng do mâu thuẫn nên đã ly thân, chị T về nhà cha mẹ ruột là ông Trương Văn Bưu và bà Lê Thị Phượng thuộc ấp 9, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau ở. Vào khoảng 20 giờ, ngày 06/07/2016 Nh đến và thuyết phục chị T về nhà, chị T không về, bị cáo nghi ngờ chị T có bạn trai, Nh đã dùng cây dao bằng sắt loại dao mũi bằng dài 34 cm, cổ dao có in dòng chữ HV – DŨNG – A1 chém chị T nhiều cái gây thương tích. Bà Lê Thị Ph can ngăn kéo áo Nh lại thì Nh dùng dao chém về phía sau gây thương tích cho bà Ph. Theo kết luận giám định pháp y về thương tích số 282/TgT, ngày 08 tháng 9 năm 2016 và Bản kết luận giám định pháp y bổ sung về thương tích số 104/TgT, ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Cà Mau xác định, thương tích của Trương Thị T là 22% . Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 281/TgT, ngày 07 tháng 9 năm 2016 của Trung tâm Pháp y tỉnh Cà Mau và Bản kết luận giám định pháp y bổ sung về thương tích số 291/TgT.17, ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Trung tâm Pháp y thành phố Hồ Chí Minh xác định, thương tích của Lê Thị Ph là 21%.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết tội bị cáo Võ Minh Nh phạm tội cố ý gây thương tích được quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 104 quy định "*2. Phaïm toäi gaây thöông tích hoaëc gaây toån haïi cho söùc khoûe cuûa ngöôøi khaùc maø tæ leä thöông taät töø 31% ñeán 60% hoaëc töø 11% ñeán 30%, nhöng thuoäc moät trong caùc tröôøng hôïp quy ñònh taïi caùc ñieåm töø ñieåm a ñeán ñieåm k khoaûn 1 Ñieàu naøy, thì bò phaït tuø töø hai naêm ñeán baûy naêm.*" nên cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo gây thương tích cho chị Trương Thị T và bà Lê Thị Phượng là nguy hiểm, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật và gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, hậu quả của hành vi bị cáo gây thương tích cho bị hại chị Trương Thị T là 22%, bà Lê Thị Ph là 21%, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi mà bị cáo gây ra.

Bị cáo thực hiện hành vi với định khung dùng hung khí nguy hiểm; phạm tội đối với nhiều người; đối với mẹ của mình, sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho quá trình điều tra. Do đó, cần có một mức án tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo đã nộp tiền khắc phục một phần hậu quả cho bị hại được quy định tại điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tại phiên tòa bị cáo xác định có bà ngoại là thương binh và cậu là liệt sỹ đây không thuộc trường hợp tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo là tinh thần bị kích động mạnh, có một phần lỗi của người bị hại và đề nghị cho bị cáo hưởng án treo là không có căn cứ, không phù hợp với hành vi, tính chất, mức độ do bị cáo gây ra.

Viện kiểm sát giữ nguyên bản cáo trạng, không đồng ý đề nghị của người bào chữa cho bị cáo hưởng án treo và giữ nguyên mức hình phạt đề nghị, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật và thỏa đáng.

Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện học tập, lao động trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự: bị hại chị Trương Thị T yêu cầu bị cáo Võ Minh Nh bồi thường chi phí điều trị thương tích với số tiền là 8.860.000 đồng; bà Lê Thị Ph yêu cầu bị cáo Võ Minh Nh bồi thường chi phí điều trị với số tiền là 14.169.140 đồng. Bị cáo Võ Minh Nh đồng ý bồi thường theo yêu cầu của chị T và bà Ph nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này. Do đó buộc bị cáo Võ Minh Nh bồi thường cho chị T số tiền là 8.860.000 đồng, bồi thường cho bà Ph số tiền là

14.169.140 đồng. Bị cáo Nh đã nộp khắc phục tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh cho chị T 2.000.000 đồng, bà Ph 2.000.000 đồng được đối trừ bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại.

Đối với cây dao bị cáo dùng để gây thương tích cho chị T và bà Ph là của bà Ph, bà Ph không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[4] Về vật chứng của vụ án:

01 (một) cây dao sắt mũi bằng dài 34cm, cán dài 10cm, lưỡi dao dài 24cm, chiều ngang lưỡi dao (nơi rộng nhất) là 07cm, ở cổ dao có in dòng chữ HV-DŨNG-A1 là công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

01 (một) xe mô tô hiệu Boss, biển số 69F6-0163, quá trình điều tra xác định chiếc xe này bị cáo mượn của anh Nguyễn Văn V và chiếc xe anh V mua ở tiệm cầm đồ ở Cà Mau và không nhớ tên tiệm, xe do bà Lâm Ngọc Á đứng tên đăng ký xe, hiện nay bà Ánh không có ở địa phương nên không làm việc được với bà Ánh còn anh Vinh thì xác định cho bị cáo Nh mượn xe không biết rõ Nhựt đi gây thương tích cho người khác và anh V hiện tại không biết nơi cư trú ở đâu nên không trả xe lại được cho anh V. Do đó, giao xe lại cho bị cáo quản lý theo điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Sau này anh V và bị cáo thỏa thuận với nhau trả lại xe hoặc bồi thường hư hỏng trường hợp có tranh chấp đòi lại xe hoặc bồi thường xe hư hỏng thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Võ Minh Nh phải chịu 200.000 đồng và án phí có giá ngạch đối với số tiền phải bồi thường cho chị T và bà Ph là 23.029.140 – 4.000.000 đồng đã nộp khắc phục trước x 5% = 951.457 đồng, tổng cộng bị cáo phải chịu án phí là 1.151.475 đồng, nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh khi bản án có hiệu lực pháp luật. Theo quy định tại điểm a, điểm c, điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Áp dụng: khoản 2 Điều 104; Điều 42; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Áp dụng Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Áp dụng điểm a, điểm c, điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Xử phạt: bị cáo Võ Minh Nh 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 25/8/2017.

[3] Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Võ Minh Nh bồi thường cho chị Trương Thị T số tiền 8.860.000 đồng; bồi thường cho bà Lê Thị Ph số tiền là 14.169.140 đồng. Bị cáo Nhựt đã nộp khắc phục tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh cho chị T số tiền 2.000.000 đồng, bà Ph số tiền 2.000.000 đồng. Bị cáo Nh phải bồi thường tiếp cho chị T số tiền 6.860.000 (sáu triệu tám trăm sáu mươi nghìn) đồng; bồi thường tiếp cho bà Ph số tiền là 12.169.140 (mười hai triệu một trăm sáu mươi chín nghìn một trăm bốn mươi) đồng, nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh khi bản án có hiệu lực pháp luật. Chị T và bà Ph có nghĩa vụ liên hệ với Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh để nhận tiền bị cáo đã nộp khắc phục mỗi người số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Tịch thu tiêu hủy 01 cây dao sắt mũi bằng dài 34cm, cán dài 10cm, lưỡi dao dài 24cm, chiều ngang lưỡi dao (nơi rộng nhất) là 07cm, ở cổ dao có in dòng chữ HV-DŨNG-A1.

Trả cho bị cáo Võ Minh Nh 01 xe mô tô hiệu Boss, biển số 69F6-0163, giấy đăng ký xe tên Lâm Ngọc Á.

Các vật chứng nêu trên hiện cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh đang quản lý theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13 tháng 11 năm 2017 giữa Cơ quan điều tra công an huyện U Minh và Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh.

[5] Về án phí:

Bị cáo Võ Minh Nh phải chịu án phí với số tiền là 1.151.475 (một triệu một trăm năm mươi mốt nghìn bốn trăm bảy mươi lăm) đồng. Nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo Võ Minh Nh, bị hại chị Trương Thị T và bà Lê Thị Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Lâm Ngọc Á, anh Nguyễn Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi*

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dư Thanh Nguyễn

Nơi nhận:
- *Phòng GĐ-KT TAND tỉnh Cà Mau (1b);*
- *VKSND tỉnh Cà Mau (1b);*
- *VKSND huyện U Minh (1b);*
- *Công an huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Nhà tạm giữ công an huyện U Minh (1b)*
- *Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh(1b);*
- *Bị cáo, người bị hại, người có QL&NVLQ (mỗi người 1b);*
- *Người bào chữa cho bị cáo;*
- *Lưu hồ sơ, văn thư (1b).*

Nơi nhận:
- *Phòng GĐ-KT TAND tỉnh Cà Mau (1b);*
- *VKSND tỉnh Cà Mau (1b);*
- *VKSND huyện U Minh (1b);*
- *Công an huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Nhà tạm giữ công an huyện U Minh (1b)*
- *Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh(1b);*
- *Bị cáo, người bị hại, người có QL&NVLQ (mỗi người 1b);*
- *Người bào chữa cho bị cáo;*
- *Lưu hồ sơ, văn thư (1b).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dư Thanh Nguyễn